

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
Nhà máy may – TDP1 của Công ty TNHH Seldat Việt Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Nhà máy may – TDP1 của Công ty TNHH Seldat Việt Nam tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 19/01/2022;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Nhà máy may – TDP1 của Công ty TNHH Seldat Việt Nam đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 01/CV-Seldat ngày 16/2/2022;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 187/TTr-STNMT ngày 15/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM của dự án Nhà máy may – TDP1 tại lô B7, B8, B9, B10, B13, B14, B15, B16, B17 thuộc khu B - CCN Tân Đức, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Seldat Việt Nam (Chủ đầu tư) với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty TNHH Seldat Việt Nam có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND xã Nhơn Mỹ theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án.

4. Trường hợp dự án triển khai sau thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, Chủ dự án phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Mỹ;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
NHÀ MÁY MAY – TDP1 CỦA CÔNG TY TNHH SELDAT VIỆT NAM
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy may – TDP1.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Seldat Việt Nam.
- Địa chỉ: CCN Tân Đức, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: (0256) 3838388
- Đại diện Chủ dự án: Ông SU MENG CHIH - Tổng Giám đốc.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án

- Dự án thực hiện tại lô B7, B8, B9, B10, B13, B14, B15, B16, B17 thuộc khu B - CCN Tân Đức, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với tổng diện tích 41.217,5m², trong đó, đất xây dựng công trình 26.304m², đất cây xanh 9.178,5 m², đất giao thông 5.735m².

- Công suất của dự án: 22.000.000 sản phẩm/ năm.

1.3. Công nghệ sản xuất của Dự án

Nguyên liệu (vải, chỉ, nút...) → Kiểm tra → Cắt → Kiểm tra → May → Tiền kiểm tra (hàng lỗi sửa lại) → Hút chỉ thừa → Ủi → Rà soát kim → Đóng gói sản phẩm → Đóng gói thùng carton → Kiểm tra sau cùng → Lưu kho → Xuất bán.

1.4. Các hạng mục công trình chính của Dự án

Dự án bao gồm các hạng mục công trình như sau: văn phòng, nhà xưởng (02 tầng), bãi đỗ xe, căn tin, khu lò hơi, khu xử lý nước thải, khu lưu chứa chất thải rắn...

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Giai đoạn thi công, xây dựng: chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, CTR xây dựng; chất thải nguy hại (CTNH); nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng; bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển; tiếng ồn, độ rung từ quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị.

- Giai đoạn hoạt động: CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường, Chất thải nguy hại; nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất (xả đáy nồi hơi); tiếng ồn; độ rung; mùi từ khu vực tập kết rác, nhà vệ sinh; bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm; khí thải lò hơi.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,8 m³/ngày và nước thải từ quá trình xây dựng phát sinh khoảng 01 m³/ngày.

- Giai đoạn hoạt động: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 88 m³/ngày.đêm và nước thải từ xả cặn đáy nồi hơi 0,08m³/1 lần xả (1-2 tháng/lần).

- Tính chất nước thải: nước thải có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao; nước thải từ quá trình xây dựng có hàm lượng chất thải rắn lơ lửng cao.

2.3. Quy mô, tính của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng; bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án; bụi vãi trong nhà xưởng; khí thải từ lò hơi; mùi hôi từ các khu nhà vệ sinh, từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn (bụi), khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng: CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 34,2 kg/ngày; CTR xây dựng khoảng 200 kg/ngày.

- Giai đoạn hoạt động: CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 2.298 kg/ngày, CTR sản xuất 30 kg/ngày, bùn thải phát sinh khoảng 274,8 kg/ngày.

- Tính chất của CTR: CTR xây dựng phần lớn là xà bần và các phế liệu có thể tái chế (bao bì, giấy carton, dây điện, tôn, sắt phế thải bỏ...); CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn xây dựng: Dầu mỡ, giẻ lau dính dầu mỡ, phụ gia ngành xây dựng, vật dụng chứa dầu mỡ,... phát sinh khoảng < 100 kg/ngày.

- Giai đoạn hoạt động: CTNH phát sinh hàng năm từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc chủ yếu là pin, ắc quy, mực in, linh kiện điện tử thải, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu máy, các loại vật dụng nhiễm dầu... phát sinh khoảng 775 kg/năm.

- Tính chất CTNH: có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm và gây ngộ độc.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường (BVMT) của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước mưa chảy tràn: tạo các rãnh tiêu thoát nước hướng dòng về cống thoát nước mưa trên đường số 5 của CCN; thu dọn mặt bằng xây dựng rơi vãi sau mỗi ngày làm việc tránh hiện tượng nước mưa cuốn trôi vật liệu.

+ Nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động, ưu tiên thi công hạng mục nhà vệ sinh trước để thuận tiện cho việc sinh hoạt của công nhân xây dựng và xử lý nước thải đúng quy định.

- Giai đoạn hoạt động dự án:

+ Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải gồm các ống dẫn, hố ga đập nắp và được thoát qua 2 điểm đầu nối ở góc Đông Bắc và góc Đông Nam của dự án vào cống thoát nước mưa trên đường số 5 của CCN.

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ các khu chức năng được thu gom, xử lý tại bể tự hoại chống thấm sau đó dẫn về trạm XLNT tập trung, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút bể phốt đưa đi xử lý.

+ Nước xả cặn từ lò hơi sẽ qua hố ga sau đó dẫn về hệ thống XLNT tập trung của nhà máy.

+ Hệ thống XLNT công suất 120 m³/ngày.đêm sẽ thu gom tất cả nước thải sinh hoạt và nước vệ sinh - xả đáy nồi hơi đã qua tiền xử lý trước đó để xử lý.

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải đã tiền xử lý sơ bộ → Bể điều hòa → Bể kị khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể đệm → Bể lọc áp lực → Bể chứa nước đã xử lý.

+ Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - cột A, với $K_q = 0,6$ và $K_f = 1,1$ sẽ được tuần hoàn sử dụng cho nhu cầu tưới cây xanh, thảm cỏ, phun ẩm đường nội bộ để giảm nhiệt vào mùa hè và xả bệ tiểu khu nhà vệ sinh nam, phần còn lại sẽ dẫn đầu nối ra cống thoát nước mưa của CCN qua điểm đầu nối tại góc Đông Bắc của dự án.

* Giải pháp đầu nối nước thải sau xử lý:

+ Trong thời gian xây dựng dự án và khi dự án đã đi vào hoạt động nhưng CCN Tân Đức chưa có hệ thống XLNT tập trung của CCN: nước thải sau xử lý sẽ được đầu nối vào cống thoát nước mưa của CCN trên đường số 5.

+ Sau khi CCN Tân Đức hoàn thiện hệ thống XLNT tập trung của CCN: nước thải sau xử lý sẽ được đầu nối vào cống thoát nước thải của CCN trên đường số 5.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phủ bạt thùng xe trong quá trình vận chuyển VLXD, vệ sinh gầm và bánh xe trước khi ra khỏi công trường, phun nước tưới ẩm đoạn đường trục của CCN và đường liên thôn nhằm hạn chế các tác động đến các khu vực lân cận.

- Giai đoạn hoạt động: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống lò hơi; Bê tông hóa các tuyến đường nội bộ, phun nước vào mùa khô hanh; Hàng ngày vệ sinh khuôn viên ngoài trời, trồng và chăm sóc cây xanh thảm cỏ vừa tạo cảnh quan vừa cải thiện vi khí hậu cho khu vực dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý CTR thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

- + Xà bần thải bỏ được thu gom, lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đến vị trí thải theo quy định.

- + Rác thải sinh hoạt được trang bị dụng cụ lưu chứa hợp vệ sinh, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động:

- + CTR sinh hoạt: Trang bị dụng cụ lưu chứa đúng quy cách, hợp vệ sinh với nhiều loại dung tích khác nhau và bố trí ở tất cả các vị trí có phát sinh CTR sinh hoạt. Điểm tập kết dụng cụ thu gom CTR sinh hoạt chờ đơn vị chức năng đến thu gom tại vị trí phía Đông Nam dự án. Hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý CTR sinh hoạt hàng ngày theo quy định.

- + CTR công nghiệp: Bùn từ hệ thống XLNT được đóng bao, lưu chứa trong kho chứa bùn diện tích 15,4 m²; Các loại vải vụn, chỉ thừa, nguyên phụ liệu, sản phẩm bị hỏng,... sẽ được thu gom, đưa về nhà chứa CTR sản xuất diện tích 50 m². Công ty sẽ liên hệ với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý CTNH

- Giai đoạn thi công xây dựng:

CTNH phát sinh sẽ được thu gom, lưu chứa bằng dụng cụ chuyên dụng, tập kết tạm trong lán trại có mái che, nếu số lượng ít có thể lưu chứa cùng CTNH trong giai đoạn vận hành, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động toàn dự án:

CTNH phát sinh được thu gom, phân loại, lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy và đặt trong kho chứa CTNH riêng biệt có diện tích 50 m² ở phía Nam. Kho được xây dựng đảm bảo các thông số kỹ thuật đối với khu lưu chứa CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNM ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

- Giai đoạn xây dựng:

+ Lắp biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện ra vào dự án, hạn chế vận chuyển vào các khung giờ cao điểm, hạn chế bóp còi khi đi qua các khu dân cư tập trung.

+ Giám sát thi công, điều tiết hoạt động của các phương tiện vận và máy móc thiết bị hoạt động trên công trường một cách hợp lý để giảm sự cộng hưởng của tiếng ồn cũng như độ rung.

- Giai đoạn hoạt động:

Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc thiết bị; Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; Xe vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm khi vào nhà máy phải hạn chế tốc độ, tắt máy trong quá trình bốc dỡ; hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm; phân luồng xe ra vào nhà máy hợp lý;...

3.6. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Thực hiện các giải pháp chung trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị bổ sung và giai đoạn hoạt động toàn dự án như:

- Ban hành nội quy cụ thể và đào tạo, huấn luyện về an toàn sử dụng điện, an toàn PCCC để cảnh báo, phòng nguy cơ cháy nổ, điện giật... và ứng phó khi sự cố xảy ra.

- Phòng sự cố đối với hệ thống XLNT: Bố trí nhân viên có chuyên môn để vận hành, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống đường ống và các hạng mục bể xử lý để kịp thời phát hiện và khắc phục; bố trí bể sự cố (bể điều hòa) để lưu chứa tạm thời nước thải phát sinh trong thời gian sửa chữa, khắc phục sự cố.

- Ứng phó với biến đổi khí hậu: Thành lập đội ứng phó biến đổi khí hậu ngay tại dự án, thường xuyên cập nhật thông tin, tình hình, diễn biến trước – trong và sau bão cũng như các đợt hạn hán từ lãnh đạo các cấp và truyền hình, báo đài để chủ động xử lý các tình huống khẩn cấp có thể xảy ra.

- Phòng sự cố suy giảm mực nước ngầm: Đăng ký cấp phép khai thác nước dưới đất theo đúng quy định, khai thác sử dụng hiệu quả, tiết kiệm; hợp đồng cấp nước sạch khi đường ống cấp nước được đầu tư hoàn thiện đến chân tường rào dự án, đồng thời trám lấp các giếng khoan không tiếp tục khai thác.

- Ứng phó với sự cố tràn dầu DO: Tổ chức Đội ứng phó sự cố tràn dầu và phòng chống cháy nổ của nhà máy; phối hợp hỗ trợ nhân viên cung ứng dầu của xe bồn khi nạp dầu vào bồn; sử dụng bồn chứa dầu đúng quy cách, cấu tạo chắc chắn và không có lỗ thủng hay đường nứt; thường xuyên kiểm tra bồn chứa dầu và nền dưới vị trí đặt bồn dầu để kịp thời phát hiện vết dầu rò rỉ (nếu có) và xử lý nguyên nhân gây rò rỉ dầu; xây gờ cao tối thiểu 20 cm quanh vị trí đặt bồn dầu; trang bị các thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố dầu rò rỉ hoặc dầu tràn tại chỗ như: phuy chứa cát, vải vụn (để thấm, lau vết dầu); kịp thời thao tác xử lý khi có sự cố xảy ra như đã được huấn luyện.

4. Danh mục công trình BVMT chính của dự án

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải và xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày.đêm.
- Kho chứa bùn từ hệ thống XLNT diện tích 15,4 m².
- Kho chứa CTR sản xuất diện tích 50 m² bên trong khu vực nhà xưởng ở tầng trệt.
- Khu vực tập kết CTR sinh hoạt 50 m² và kho CTNH 50 m² ở phía Nam dự án.
- Diện tích trồng cây xanh cảnh quan là 9.178,5 m².
- Hệ thống PCCC.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng:

a) Giám sát CTR

- Giám sát CTR sinh hoạt, chất thải từ quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị bổ sung, chất thải công nghiệp thông thường và CTNH trên toàn khu vực dự án sau mỗi ngày làm việc.
- Giám sát về thành phần, khối lượng chất thải và biện pháp thu gom, xử lý.
- Việc thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải nêu trên được thực hiện theo quy định hiện hành. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

b) Giám sát các sự cố:

Giám sát các sự cố: cháy nổ, tai nạn lao động, sạt lở, đổ ngã giàn khung...

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

a) Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: 02 điểm tại 02 ống khói lò hơi đốt dầu DO (Cả 02 lò hơi).
- Chỉ tiêu giám sát: lưu lượng, bụi tổng, CO, NO_x, SO_x.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kv = 1, Kp = 1.
- Tần suất giám sát: Giám sát theo quy định hiện hành và theo Kế hoạch vận hành thử nghiệm đã được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận hoặc đột xuất khi xảy ra sự cố.

Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

b) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: Bể chứa nước đã qua xử lý tại trạm XLNT của nhà máy.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, COD, BOD₅, TSS, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, Coliform.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_q = 0,6$, $k_f = 1,1$.

- Tần suất giám sát: Giám sát theo quy định hiện hành và theo Kế hoạch vận hành thử nghiệm đã được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận hoặc đột xuất khi xảy ra sự cố.

Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

c) Giám sát CTR thông thường và CTNH

- Giám sát CTR sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và CTNH trên toàn khu vực dự án sau mỗi ngày làm việc.

- Giám sát về thành phần, khối lượng chất thải phát sinh và biện pháp thu gom, xử lý.

- Việc thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải nêu trên được thực hiện theo quy định hiện hành. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

5.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thương mại

a) Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại 01 ống khói lò hơi đốt dầu DO (01 lò hơi đang hoạt động).

- Chỉ tiêu giám sát: lưu lượng, bụi tổng, CO, NO_x, SO_x.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_v = 1$, $K_p = 1$.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

b) Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: Bể chứa nước đã qua xử lý tại hệ thống XLNT của nhà máy.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, COD, BOD₅, TSS, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, Coliform.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_q = 0,6$, $k_f = 1,1$.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

c) Giám sát CTR thông thường và CTNH

- Giám sát CTR sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và CTNH trên toàn khu vực dự án sau mỗi ngày làm việc.

- Giám sát về thành phần, khối lượng chất thải phát sinh và biện pháp thu gom, xử lý.

- Việc thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải nêu trên được thực hiện theo quy định hiện hành. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

* Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quan trắc môi trường và lập báo cáo công tác BVMT định kỳ hàng năm theo quy định.